

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 115/2006/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

**Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Bưu chính,
Viễn thông và Công nghệ thông tin**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin là cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực được tổ chức ở Trung ương bao gồm Thanh tra Bộ Bưu chính, Viễn thông, Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện, Thanh tra Cục Quản lý chất lượng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra Sở Bưu chính, Viễn thông; thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Bưu chính, Viễn thông và Sở Bưu chính, Viễn thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.



09663173

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên lãnh thổ, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hoạt động của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin phải tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên và thành viên Đoàn thanh tra phải tuân theo quy định của pháp luật về thanh tra và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Điều 4. Tổ chức Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin

1. Tổ chức Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin bao gồm:

- a) Thanh tra Bộ Bưu chính, Viễn thông (sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ);
- b) Thanh tra Cục Tàn số vô tuyến điện; Thanh tra Cục Quản lý chất lượng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin (sau đây gọi tắt là Thanh tra Cục);
- c) Thanh tra Sở Bưu chính, Viễn thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Thanh tra Sở).

2. Các cơ quan thanh tra quy định tại khoản 1 Điều này có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 5. Tổ chức của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Bưu chính, Viễn thông, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công tác thanh tra; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra.

Phó Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ.

Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra Bộ được tổ chức các phòng. Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, biên chế và tổ chức bộ máy của Thanh tra Bộ.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 25 của Luật Thanh tra.

2. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông giao.

3. Giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công tác thanh tra; hướng dẫn Thanh tra Cục, Thanh tra Sở xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

4. Tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra; xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra viên, cộng tác viên Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin.

5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về công tác thanh tra và quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Bộ.

6. Trưng tập cán bộ, công chức, Thanh tra viên thuộc cơ quan chuyên ngành cấp dưới; yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra.

7. Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ, hủy bỏ quy định trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 26 của Luật Thanh tra.
2. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra đối với Thanh tra Bộ; chỉ đạo, hướng dẫn công tác và nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra Cục, Thanh tra Sở.
3. Kiến nghị Bộ trưởng xử lý việc trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tham mưu cho Bộ trưởng phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết việc trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ.
5. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra; kiểm tra trách nhiệm của Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông trong việc tổ chức, chỉ đạo các hoạt động thanh tra chuyên ngành.
6. Báo cáo Bộ trưởng và Tổng Thanh tra về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Điều 8. Tổ chức Thanh tra Cục

1. Thanh tra Cục là đơn vị của các Cục quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định này, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Cục.

2. Thanh tra Cục có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Cục do Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Cục trưởng sau khi thống nhất ý kiến với Chánh Thanh tra Bộ.

Phó Chánh Thanh tra Cục do Cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông.

3. Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Cục.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Cục

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Cục.

2. Thanh tra việc chấp hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục; tham gia các đoàn thanh tra của Thanh tra Bộ và của các cơ quan thanh tra liên quan khi được yêu cầu.

3. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Cục trưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Hướng dẫn, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục trưởng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

6. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Cục.

7. Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ, bãi bỏ quy định trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra.

8. Tổng hợp, báo cáo kết quả thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Cục trưởng theo quy định.

9. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, tổ chức trực thuộc Cục thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra.

10. Tổng kết, rút kinh nghiệm về nghiệp vụ thanh tra trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra Cục.

11. Yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra của Cục.

12. Thanh tra vụ việc khác do Cục trưởng giao; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Cục

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Cục.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Cục trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Cục trưởng quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về lĩnh vực do Cục quản lý.

4. Kiến nghị Cục trưởng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Cục trưởng khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

5. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

6. Kiến nghị Cục trưởng xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền quản lý của Cục trưởng.

7. Kiến nghị Cục trưởng giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Thanh tra Bộ.

8. Báo cáo Chánh Thanh tra Bộ và Cục trưởng về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và chống tham nhũng trong phạm vi, trách nhiệm của mình.

9. Lãnh đạo Thanh tra Cục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 11. Tổ chức của Thanh tra Sở

1. Thanh tra Sở là cơ quan của Sở Bưu chính, Viễn thông, có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở.

2. Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Sở do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh; Phó Chánh Thanh tra Sở do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra Sở.

3. Việc thành lập Thanh tra Sở do Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh và Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Biên chế của Thanh tra Sở do Giám đốc Sở quyết định.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 28 của Luật Thanh tra.

2. Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ, hủy bỏ những quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước hoặc pháp luật chuyên ngành về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin được phát hiện qua công tác thanh tra.

3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Sở.

4. Yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra.

5. Tổng kết, rút kinh nghiệm công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Thanh tra Sở.

6. Thực hiện nhiệm vụ khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của Thanh tra Bộ Bưu chính, Viễn thông và theo sự phân công của Giám đốc Sở.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 29 của Luật Thanh tra.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thanh tra của các cơ quan, đơn vị trong phạm vi quản lý của Sở.

3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở Bưu chính, Viễn thông, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Sở.

4. Hướng dẫn, đôn đốc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra.

5. Báo cáo Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra tỉnh và Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Chương III

THANH TRA VIÊN, CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA

Điều 14. Thanh tra viên

1. Thanh tra viên bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin (sau đây gọi tắt là Thanh tra viên) là công chức nhà nước được bổ nhiệm vào các ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Thanh tra viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 31 của Luật Thanh tra và các tiêu chuẩn cụ thể do Chính phủ quy định.

3. Thanh tra viên có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 40 và Điều 50 của Luật Thanh tra và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Thanh tra viên được hưởng chế độ, chính sách và được đảm bảo các điều kiện cần thiết cho hoạt động thanh tra theo quy định của pháp luật.

5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Thanh tra viên thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cộng tác viên thanh tra

1. Trong hoạt động thanh tra, các cơ quan thanh tra bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin được quyền trưng tập cộng tác viên. Cộng tác viên thanh tra làm việc theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan thanh tra và Trưởng Đoàn thanh tra.

2. Cộng tác viên thanh tra là người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra, được trưng tập để thực hiện các cuộc thanh tra.

3. Tiêu chuẩn, chế độ, trách nhiệm của cộng tác viên thanh tra; việc trưng tập cộng tác viên thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật về cộng tác viên thanh tra và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông.

Điều 16. Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu

1. Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin có trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu riêng.

Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu tương tự gây nhầm lẫn với Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin.

2. Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Điều 17. Hoạt động thanh tra hành chính

1. Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao của cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

2. Hình thức thanh tra, nội dung, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra hành chính thực hiện theo quy định từ Điều 34 đến Điều 44 của Luật Thanh tra, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 18. Hoạt động thanh tra chuyên ngành

1. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, chất lượng về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này, bao gồm:

- a) Các quy định về bưu chính, chuyển phát thư, chuyển phát;
- b) Các quy định về viễn thông, Internet;
- c) Các quy định về truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện;
- d) Các quy định về điện tử, công nghệ thông tin;
- đ) Các quy định về cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia;

e) Các quy định khác của pháp luật theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

2. Hình thức, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra chuyên ngành thực hiện theo quy định từ Điều 45 đến Điều 52 của Luật Thanh tra và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Việc xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 19. Cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin được trang bị phương tiện thông tin liên lạc và các trang bị, thiết bị kỹ thuật khác phục vụ cho công tác thanh tra.

2. Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông quy định cụ thể về định mức trang bị và sử dụng phương tiện thông tin liên lạc, các trang bị, thiết bị kỹ thuật khác phục vụ cho công tác thanh tra.

Điều 20. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin do ngân sách nhà nước cấp và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập, quản lý và sử dụng kinh phí nghiệp vụ thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật.



Chương V

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Điều 21. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trong việc bảo đảm hoạt động thanh tra

Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 44 và Điều 47 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra (sau đây gọi tắt là Nghị định số 41/2005/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 22. Mối quan hệ phối hợp trong hoạt động của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin

1. Thanh tra Bộ chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ; có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Sở, Thanh tra các Cục chuyên ngành thuộc Bộ;

hướng dẫn hoặc chủ trì tổ chức các cuộc thanh tra liên Sở; hướng dẫn, kiểm tra về công tác thanh tra nội bộ.

2. Thanh tra Cục chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Bộ; chủ trì tổ chức các cuộc thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực do Cục quản lý; có trách nhiệm cử Thanh tra viên tham gia các cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ tổ chức hoặc tổ chức các cuộc thanh tra đột xuất theo yêu cầu của Thanh tra Bộ.

3. Thanh tra Sở chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh; về công tác và nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ; có trách nhiệm cử Thanh tra viên tham gia các cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ hoặc Thanh tra Cục tổ chức và tổ chức các cuộc thanh tra đột xuất theo yêu cầu của Thanh tra Bộ.

4. Các cơ quan Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan công an, an ninh, biên phòng, Thanh tra Bộ, ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật nói chung và các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

5. Các cơ quan công an, an ninh, biên phòng, Thanh tra Bộ, ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người ra quyết định thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra

1. Người ra quyết định thanh tra phải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại các Điều 42, 43 và Điều 52 của Luật Thanh tra, khoản 3 Điều 26, các Điều 27, 28, 30, 31, 32, 35 và Điều 36 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính, Trưởng Đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 39 của Luật Thanh tra, các

0993.63
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSOff

khoản 1 và 2 Điều 26, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 và khoản 5 Điều 35 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, Trưởng Đoàn thanh tra chuyên ngành có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 49 của Luật Thanh tra, các khoản 1 và 2 Điều 26, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34 và khoản 5 Điều 35 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

3. Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính, Thanh tra viên là thành viên Đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật Thanh tra, khoản 1 Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, Thanh tra viên là thành viên Đoàn thanh tra chuyên ngành có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 50 của Luật Thanh tra, khoản 1 Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thanh tra và trước pháp luật về mọi hành vi, quyết định của mình.

4. Trong quá trình thanh tra, các thành viên khác của Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều 40 của Luật Thanh tra và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP.

Điều 24. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đối tượng thanh tra; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Đối tượng thanh tra có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 8, các Điều 53, 54 của Luật Thanh tra, các Điều 25, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 45, 46 và khoản 2 Điều 51 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung thanh tra phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan thanh tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp. Việc cung

cấp, sử dụng và quản lý thông tin, tài liệu có nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THANH TRA

Điều 25. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động thanh tra bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Xử lý vi phạm

Người ra quyết định thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên, các thành viên khác của Đoàn thanh tra, các cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thanh tra thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý theo quy định tại Điều 51 Nghị định 41/2005/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 27. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra được thực hiện theo quy định tại các Điều 49 và 50 Nghị định số 41/2005/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 75/2003/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng